

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THAM GIA CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

● NGUYỄN THỊ THANH THÚY

TÓM TẮT:

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, đã ký kết hàng loạt Hiệp định Thương mại tự do (FTA), gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế phát triển tất yếu của mọi nền kinh tế, mở ra rất nhiều cơ hội, song cũng đặt ra rất nhiều thách thức, áp lực đối với các quốc gia, tổ chức, ngân hàng. Bài viết đưa ra hành trình hội nhập AEC của Việt Nam. Từ đó cho thấy được cơ hội và thách thức Việt Nam phải đối mặt khi tham gia cộng đồng AEC.

Từ khóa: Ngân hàng Việt Nam, cộng đồng kinh tế Asean, hội nhập quốc tế.

1. Nội dung hội nhập tài chính quốc tế khi tham gia AEC

AEC là một thị trường và không gian sản xuất thống nhất trong khu vực ASEAN bao hàm sự tự do của 5 yếu tố: lưu chuyển hàng hóa, lưu chuyển dịch vụ, đầu tư, lưu chuyển vốn và dịch chuyển lao động có tay nghề. Theo đó, các quốc gia thành viên cam kết thực hiện 4 khuôn khổ hội nhập: (i) Cam kết về thuận lợi hàng hóa thương mại dựa trên Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN (ATIGA); (ii) Cam kết về thương mại dịch vụ dựa trên Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS) và thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong ngành dịch vụ; (iii) Đầu tư dựa trên hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA); (iv) Hội nhập tài chính ASEAN

Trong nội dung về cam kết hội nhập tài chính, các nước ASEAN đã xây dựng kế hoạch tổng thể chi tiết (AEC Blueprint) để hỗ trợ và nâng cao nhận thức cho các NHTM và các công ty hoạt động

trong lĩnh vực tài chính trong khu vực nhằm đạt được bốn mục tiêu: (i) tự do hóa dịch vụ tài chính, (ii) tự do hóa tài khoản vốn, (iii) phát triển và hội nhập các thị trường vốn và (iv) phát triển các dịch vụ thanh toán.

Có hai mốc thời gian quan trọng được lựa chọn để thực hiện cam kết là năm 2015 và 2020. Cụ thể, hết năm 2015, cơ bản ASEAN dỡ bỏ các giới hạn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, tự do hóa đa số các dòng lưu chuyển vốn, các sản phẩm và dịch vụ tài chính và tiêu chuẩn hóa và phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ giữa các thành viên. Đến hết năm 2020, ASEAN chính thức hội nhập tài chính khu vực, các ngân hàng được tự do gia nhập các thị trường, tất cả các dòng vốn được tự do lưu chuyển, thị trường chứng khoán hội nhập và hoàn thiện hệ thống thanh toán bù trừ ASEAN.

Về tự do hóa dịch vụ tài chính (FSL): Gói cam kết thứ 6 được đàm phán bao gồm các dịch vụ bảo

hiểm và có liên quan đến bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng và tài chính khác; bên cạnh đó các nước ASEAN cũng đang nỗ lực tìm ra một khuôn khổ chung để cho phép các ngân hàng đạt chuẩn ASEAN (Qualified ASEAN Banks - QABs) được phép hoạt động. Theo đó, hết năm 2015, các quốc gia trong khu vực phải loại bỏ các hạn chế đối với phân ngành bảo hiểm, ngân hàng và thị trường vốn, đồng thời tiếp cận tới các nội dung về QABs. Đến năm 2020, tự do hóa tiếp cận và giới hạn về các ngân hàng không thuộc danh sách QAB.

Về tự do hóa tài khoản vốn (CAL): Các quốc gia cần thực hiện đánh giá lẫn nhau trên nguyên tắc tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và danh mục đầu tư hoàn thành bên cạnh việc thiết lập một khuôn khổ chung cho tự do hóa tài khoản vốn và xây dựng các kế hoạch chi tiết từng mốc thời gian cho các thành viên. Hết năm 2015, hoàn thành tự do hóa các dòng lưu chuyển danh mục đầu tư và đến năm 2020, thực hiện tự do hóa các dòng lưu chuyển (vay/cho vay).

Về phát triển thị trường vốn (CMD): Liên kết giao dịch ASEAN kết nối giao dịch chứng khoán của Malaysia, Singapore và Thái Lan; tập trung phát triển thị trường trái phiếu và hỗ trợ các nước CLMV trong việc phát triển thị trường vốn. Đến năm 2015, thực hiện tự do hóa dịch vụ môi giới và các sản phẩm tài chính; đạt được sự hài hòa hơn trong tiêu chuẩn thị trường vốn ASEAN trong các lĩnh vực cung cấp các quy định đối với chứng khoán nợ, công bố yêu cầu và quy tắc phân phối; thống nhất công nhận trình độ giáo dục và kinh nghiệm của các chuyên gia thị trường tài chính; đạt được sự linh hoạt hơn trong ngôn ngữ và luật pháp đối với việc phát hành trái phiếu; thúc đẩy việc mở rộng cơ sở nhà đầu tư trong phát hành nợ ASEAN. Đến năm 2020, tiến hành hội nhập giao dịch chứng khoán ASEAN

Về phát triển hệ thống thanh toán (PSS): Các quốc gia cam kết áp dụng các tiêu chuẩn chung để phát triển hiệu quả tài chính xuyên biên giới; cải thiện môi trường cơ sở hạ tầng và các khoản thanh toán hiện hành; khai thác các tùy chọn của hệ thống thanh toán và giải quyết các mối liên kết trong ASEAN. Hết năm 2015, xây dựng và phát triển tiêu chuẩn thanh toán và cơ sở hạ tầng thanh toán, phấn đấu đến năm 2020 hội nhập Hệ thống thanh toán ASEAN.

2. Cơ hội và thách thức cho ngân hàng thương mại khi tham gia AEC

2.1. Cơ hội

Một là, mạng lưới hệ thống ngân hàng được mở rộng với sự tăng lên của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Tính đến tháng 5/2017, số lượng chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng 100% vốn nước ngoài đã tăng 68.5% so với con số của năm 2007, nâng tỉ trọng của nhóm ngân hàng này trong hệ thống ngân hàng tăng từ 40,6% (năm 2007) lên 54,1%, cho thấy sự kỳ vọng của các nhà đầu tư nước ngoài vào hệ thống tài chính của nước ta.

Về ngân hàng 100% vốn nước ngoài: Kể từ sau năm 2007, hệ thống ngân hàng đã ghi nhận những bước hồi nhập mạnh mẽ, bắt đầu với việc xuất hiện 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài gồm: Ngân hàng HSBC, Standard Chartered, ANZ, Shinhan và Hong Leong (được thành lập từ cuối năm 2008). Tuy nhiên, số lượng ngân hàng 100% vốn nước vẫn không có sự thay đổi. Trong năm 2017, số lượng ngân hàng 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam được nâng lên 6 ngân hàng với sự tham gia của Ngân hàng Public Bank Berhad (PBB).

Các NHTM Nhà nước lớn đã tiên phong trong việc xuất khẩu dịch vụ tài chính ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm ra thị trường nước ngoài như BIDV, VCB, Vietinbank. Tính đến nay, tổng số có khoảng hơn 20 chi nhánh, văn phòng đại diện của các NHTM Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, việc thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài của các NHTM cũng đang phải đối mặt với các rủi ro về chính trị, văn hóa và luật pháp của nước sở tại, nên rất cần có sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc tiếp cận thông tin, xúc tiến đầu tư để giảm thiểu rủi ro quốc gia trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Hai là, quy mô vốn của các ngân hàng trong hệ thống cũng tăng nhanh nhờ vào việc tìm kiếm đối tác chiến lược quốc tế. Cùng với sự gia tăng của nhóm ngân hàng nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hầu hết các nhóm NHTM trong nước, đặc biệt là các NHTM cổ phần đã thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản.

Ba là, áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng nước ngoài buộc các NHTM trong nước phải đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế hoặc hợp tác với ngân hàng

nước ngoài. Dưới sức ép cạnh tranh từ sự xuất hiện của các ngân hàng nước ngoài, các NHTM trong nước đã buộc phải cải thiện, đa dạng hóa các sản phẩm và phát triển các dịch vụ ngân hàng mới giúp nâng cao tiện ích cho khách hàng (tăng tiện ích của tài khoản cá nhân, phát triển dịch vụ thẻ, phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại như phone banking, Internet Banking).

Bốn là, nâng cao tính minh bạch, công khai, quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế. Khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các NHTM gia tăng, đồng nghĩa với việc các NHTM Việt Nam phải chuẩn hóa hoạt động quản trị, kế toán, tài chính theo thông lệ quốc tế, đảm bảo các tiêu chuẩn về minh bạch.

2.2. Thách thức

Một là, các ngân hàng trong nước vẫn chủ yếu tập trung vào hoạt động tín dụng, đồng thời, chất lượng dịch vụ và công nghệ ngân hàng còn hạn chế. Trong khu đó, hội nhập khu vực ASEAN sẽ tiếp tục tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với các NHTM trong nước. So với nhiều nước trong khu vực cũng như trên thế giới, các NHTM Việt Nam vẫn còn hạn chế về chất lượng dịch vụ và công nghệ ngân hàng. Ngoại trừ các ngân hàng lớn như VCB, VietinBank hay các ngân hàng khác có đối tác chiến lược quốc tế, nhiều NHTM cổ phần vẫn chưa khắc phục được hạn chế là sản phẩm dịch vụ còn nghèo nàn, thiếu các định chế quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như quản trị rủi ro, quản trị tài sản nợ, tài sản có, nhóm khách hàng, loại sản phẩm, kiểm toán nội bộ. Bên cạnh đó, mặc dù năng lực công nghệ của các NHTM Việt Nam đã được từng bước nâng cấp, các NHTM trong nước vẫn khó cạnh tranh được với các ngân hàng nước ngoài về trình độ công nghệ ngân hàng. Đối với các quy định từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), ngành Ngân hàng sẽ là ngành tiên phong nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc lưu chuyển vốn. Tuy nhiên, sự phát triển không đồng đều của ngành Ngân hàng trong khối ASEAN: Sự khác biệt này không những chỉ trong ASEAN 5 (Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Indonesia) và các nước như Brunei, Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam, mà còn có sự khác biệt trong từng nhóm. Ví dụ, tỷ lệ chi phí trên thu nhập của ngành Ngân hàng đã có sự cách biệt lớn trong khối ASEAN, như Indonesia có chỉ số cao nhất, khoảng 79,94%. Chỉ số này khá cao nếu so với các

nước Đông Nam Á khác, vào khoảng 40-60% (chỉ số này càng nhỏ thì hiệu quả hoạt động càng hiệu quả). Bên cạnh đó, hiện chỉ có hệ thống ngân hàng của Singapore, Malaysia và Thái Lan được cho là hoạt động tích cực nhất trong hệ thống ngân hàng ASEAN. Cụ thể, ngân hàng United Overseas Bank của Singapore hiện đã có 6 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện trên 10 quốc gia ASEAN. Ngược lại, các ngân hàng như Metrobank của Philippines hay Mandiri của Indonesia lại có mức tiếp cận thị trường ASEAN rất thấp. Metrobank chỉ có 1 văn phòng đại diện tại Singapore, Mandiri và Bank Negara Indonesia thì cũng chưa có văn phòng đại diện trên các quốc gia khác ngoại trừ 1 văn phòng tại Singapore. Theo số liệu của diễn đàn kinh tế thế giới, hệ thống ngân hàng Singapore nằm trong top 10 ngành ngân hàng hàng đầu thế giới, rất thuận lợi trong quá trình tham gia vào AEC. Như vậy, tình trạng trên không những chỉ ra rằng quá trình thành lập khối AEC còn chậm, mà còn tạo ra áp lực đối với các hệ thống ngân hàng còn yếu kém và chưa đủ năng lực cạnh tranh, tiếp cận với các quốc gia khác. Khi mục tiêu tự do luân chuyển dịch vụ và lao động trong khối AEC được thực hiện, các quốc gia có nền kinh tế phát triển cao hơn trong khối (các quốc gia thuộc ASEAN 5) sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ dịch vụ tài chính - ngân hàng. Do vậy, các định chế trung gian tài chính Việt Nam sẽ bị đặt trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn nhiều. Như vậy, không chỉ các nước CLMV (bao gồm Việt Nam) mà ngay cả Indonesia, Philippines cũng rất lo ngại sự "thống trị" của các ngân hàng nước ngoài trong thị trường tài chính của nước mình.

Hai là, quá trình tìm kiếm các đối tác chiến lược quốc tế mặc dù đã được đẩy mạnh nhưng chưa đồng đều giữa khối NHTM quốc doanh và NHTM cổ phần. Cụ thể là, tỷ lệ sở hữu của khối ngoại tại các NHTM quốc doanh còn khá thấp nếu so với khối NHTM cổ phần. Đã có trên 10 NHTM cổ phần ìm được đối tác đầu tư nước ngoài (A Châu, Sacombank, Eximbank, Techcombank với tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài từ 20% trở lên), trong khi đó, ngoại trừ VCB và Vietinbank, BIDV, ngân hàng NHTM nhà nước còn lại như Agribank chưa hoàn thành cổ phần hóa và cũng chưa tìm được đối tác chiến lược quốc tế. Ngân hàng VCB cũng chỉ có đối tác chiến lược là ngân hàng Mizuho từ năm 2011 (tỷ lệ nắm giữ cổ phần của ngân hàng

ngoại trong trường hợp này là 15%). Ngân hàng VietinBank cũng tìm được đối tác tài chính quốc tế của mình là công ty IFC với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 10% (173 triệu USD) từ năm 2011.

Ba là, thách thức đối với công tác điều hành, giám sát hoạt động ngân hàng cũng như những yêu cầu mới được đặt ra từ các cam kết của các hiệp định FTAs mới. Cùng với quá trình hội nhập FTAs trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, công tác điều hành, giám sát hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà

nước cũng gặp nhiều khó khăn và phức tạp hơn. Một mặt, những diễn biến khó lường của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm các cân đối vĩ mô. Mặt khác, một số lượng lớn các ngân hàng nước ngoài đầu tư, mở chi nhánh hoặc thành lập các ngân hàng 100% vốn nước ngoài cùng với sự mở rộng hệ thống ngân hàng quá nhanh, cũng sẽ đặt ra những thách thức cho việc giám sát hoạt động ngân hàng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lee, Choong Lyol, and Takagi, Shinji. (2013). *Deepening Association of Southeast Asian Nations Financial Markets. ADBI Working Paper Series, No. 414, March 2013, p. 21.*
2. Lê Thị Thùy Vân và nhóm nghiên cứu (2015), "Đánh giá tác động của các Hiệp định Thương mại tự do", *Tạp chí Kinh tế Tài chính Việt Nam, số 2 (2015).*
3. Murrap (2010, 2011), "Đánh giá tác động của FTA đối với nền kinh tế Việt Nam"

Ngày nhận bài: 24/2/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/3/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ THANH THÚY

Khoa Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM'S BANKS WHEN THE COUNTRY JOINS THE AEC

● Master. NGUYEN THI THANH THUY

Faculty of Finance - Banking, University of Economics
Technology for Industries

ABSTRACT:

In recent years, Vietnam has increasingly integrated into the regional and global economy, and signed a number of Free Trade Agreements (FTAs). Vietnam also joined the ASEAN Economic Community (AEC). International economic integration, which is an indispensable development trend of all economies, not only brings many opportunities but also poses many challenges and pressures to countries, organizations and banks. This article introduces the process for Vietnam to integrate into the AEC and shows opportunities and challenges that Vietnam has to face when the country joins the AEC.

Keywords: Vietnamese banks, Asean Economic Community, international integration.